Danh mục thuốc Vị thuốc/Dược liệu trúng thầu T11-T12 năm 2021 theo hình thức đấu thầu rộng rãi tại các địa phương đề nghị đăng tải

STT	Tên hoạt chất	Đường dùng, dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Tên thuốc	SĐK hoặc Số GPNK	SĐK_chuẩn_hóa	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính nhỏ nhất (viên, gói, lọ, tube, ống, chai)	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (tính trên đơn vị tính nhỏ nhất)	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ	Gói	Tên đơn vị (SYT/BV)	Tỉnh/TP	Số QĐ công bố	Ngày công bố kết quả trúng thầu	Ghi chú
1	Radix Morindae officinalis			Ba kích					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	300	593.250	177.975.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
2	Semen Platycladi orientalis			Bá tử nhân					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	30	599.550	17.986.500	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
3	Herba Menthae arvensis			Bạc hà					Túi 1-5 Kg	Kg	70	88.200	6.174.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
4	Radix Angelicae dahuricae			Bạch chỉ					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	100	91.350	9.135.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
5	Bombyx botryticatus			Bạch cương tàm					Túi 1-5 Kg	Kg	10	312.900	3.129.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
6	Semen Sinapis albae			Bạch giới tử					Túi 1-5 Kg	Kg	34	161.700	5.497.800	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
7	Bulbus Lilii brownii			Bách hợp					Túi 1-5 Kg	Kg	25	309.750	7.743.750	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
8	Poria			Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	300	195.300	58.590.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
9	Radix Paeoniae lactiflorae			Bạch thược					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	300	180.600	54.180.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

10	Rhizoma Atractylodis macrocephalae			Bạch truật					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	350	157.500	55.125.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
11	Radix Scutenlari Barbatae			Bán chi liên					Túi 1-5 Kg	Kg	25	156.450	3.911.250	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
12	Rhizoma Typhonii trilobati			Bán hạ nam (Củ chóc)					Túi 1-5 Kg	Kg	30	133.350	4.000.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
13	Herba Poligoni avicularae			Biển súc					Túi 1-5 Kg	Kg	40	175.350	7.014.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
14	Herba Lactucae indicae			Bồ công anh					Túi 1-5 Kg	Kg	40	115.500	4.620.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
15	Radix Glycyrrhizae			Cam thảo					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	400	245.700	98.280.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
16	Rhizoma Zingiberis			Can khương					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	200	144.900	28.980.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
17	Radix Puerariae thomsonii			Cát căn					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	120	101.850	12.222.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
18	Radix Platycodi grandiflori			Cát cánh					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	70	278.250	19.477.500	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
19	Ramulus cum unco Uncariae			Câu đằng					Túi PE 1-5 kg, hút chân không, chống ẩm	Kg	30	199.500	5.985.000	Công ty CP Dược liệu Hà Nội	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
20	Rhizoma Cibotii			Cẩu tích					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	100	91.350	9.135.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

21	Fructus Gardeniae			Chỉ tử					Túi 1-5 Kg	Kg	70	183.750	12.862.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
22	Fructus Aurantii			Chỉ xác					Túi 1-5 Kg	Kg	100	57.750	5.775.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
23	Rhizoma Drynariae			Cốt toái bổ					Túi 1-5 Kg	Kg	165	97.650	16.112.250	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
24	Flos Chrysanthemi indici			Cúc hoa					Túi 1-5 Kg	Kg	150	738.150	110.722.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
25	Fructus Ziziphi jujubae			Đại táo					Túi 1-5 Kg	Kg	200	121.800	24.360.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
26	Radix Salviae miltiorrhizae			Đan sâm					Túi 1-5 Kg	Kg	300	169.050	50.715.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
27	Radix Codonopsii			Đảng sâm					Túi 1-5 Kg	Kg	300	413.700	124.110.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
28	Semen Pruni			Đào nhân					Túi 1-5 Kg	Kg	60	714.000	42.840.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
29	Caulis Tinospora tomentosae			Dây đau xương					Túi 1-5 Kg	Kg	100	137.550	13.755.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
30	Cortex Lycii chinensis			Địa cốt bì					Túi 1-5 Kg	Kg	40	513.450	20.538.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

31	Herba Phyllanthi urinariae			Diệp hạ châu					Túi 1-5 Kg	Kg	150	144.900	21.735.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
32	Radix Polysciacis			Đinh lăng					Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	130	200.025	26.003.250	Công ty CP DP Trường Thọ Bình Dương	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
33	Cortex Eucommiae			Đỗ trọng					Túi 1-5 Kg	Kg	300	157.500	47.250.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
34	Radix Angelicae pubescentis			Độc hoạt					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	200	252.000	50.400.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
35	Radix Angelicae sinensis			Đương quy (Toàn quy)					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	300	399.000	119.700.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
36	Herba Gynostemmae pentaphylli			Giảo cổ lam					Túi 1-5 Kg	Kg	30	123.900	3.717.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
37	Radix Fallopiae multiflorae			Hà thủ ô đỏ					Túi 1-5 Kg	Kg	200	234.150	46.830.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
38	Semen Armeniacae amarum			Hạnh nhân					Túi 1-5 Kg	Kg	25	521.850	13.046.250	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
39	Cortex Magnoliae officinali			Hậu phác					Túi 1-5 Kg	Kg	35	89.250	3.123.750	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
40	Rhizoma Dioscoreae persimilis			Hoài sơn					Túi 1-5 Kg	Kg	150	164.850	24.727.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

41	Cortex Phelloden dri			Hoàng bá					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	50	229.950	11.497.500	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
42	Radix Scutellari ae			Hoàng cầm					Túi 1-5 Kg	Kg	50	475.650	23.782.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
43	Radix Astragali membrana cei			Hoàng kỳ (Bạch kỳ)					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	300	229.950	68.985.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
44	Rhizoma Coptidis			Hoàng liên					Túi 1-5 Kg	Kg	30	990.150	29.704.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
45	Flos Carthami tinctorii			Hồng hoa					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	85	708.750	60.243.750	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
46	Rhizoma Cyperi			Hương phụ					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	120	74.550	8.946.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
47	Tuber Corydalis			Huyền hồ					Túi 1-5 Kg	Kg	30	561.750	16.852.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
48	Radix Scrophula riae			Huyền sâm					Túi 1-5 Kg	Kg	150	193.200	28.980.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
49	Folium Cordyline s			Huyết dụ					Túi 1-5 Kg	Kg	50	141.750	7.087.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
50	Lignum Dracaenae cambodia nae			Huyết giác					Túi PE 1-5 kg, hút chân không, chống ẩm	Kg	50	130.200	6.510.000	Công ty CP Dược liệu Hà Nội	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
51	Herba Siegesbec kiae			Hy thiêm					Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	30	43.575	1.307.250	Công ty CP DP Trường Thọ Bình Dương	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

52	Herba Leonuri japonici			Ích mẫu					Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	100	29.925	2.992.500	Công ty CP DP Trường Thọ Bình Dương	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
53	Fructus Alpiniae oxyphyllae			Ích trí nhân					Túi 1-5 Kg	Kg	25	555.450	13.886.250	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
54	Fructus Xanthii strumarii			Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)					Túi 1-5 Kg	Kg	30	144.900	4.347.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
55	Caulis Spatholobi			Kê huyết đằng					Túi 1-5 Kg	Kg	100	19.950	1.995.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
56	Semen Euryales			Khiếm thực					Túi 1-5 Kg	Kg	35	410.550	14.369.250	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
57	Rhizoma et Radix Curcumae longae			Khương hoàng/ Uất kim					Túi 1-5 Kg	Kg	50	52.500	2.625.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
58	Rhizoma et Radix Notopterygii			Khương hoạt					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	150	1.365.000	204.750.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
59	Flos Lonicerae			Kim ngân hoa					Túi PE 1-5 kg, hút chân không, chống ẩm	Kg	60	640.500	38.430.000	Công ty CP Dược liệu Hà Nội	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
60	Herba Elsholtziae ciliatae			Kinh giới					Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	150	53.025	7.953.750	Công ty CP DP Trường Thọ Bình Dương	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
61	Fructus Forsythiae			Liên kiều					Túi 1-5 Kg	Kg	45	454.650	20.459.250	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

62	Semen Nelumbinis			Liên nhục					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	45	112.350	5.055.750	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
63	Embryo Nelumbinis			Liên tâm					Túi 1-5 Kg	Kg	40	470.400	18.816.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
64	Arillus Longan			Long nhãn					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	50	257.250	12.862.500	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
65	Radix Ophiopogonis japonici			Mạch môn					Túi 1-5 Kg	Kg	30	334.950	10.048.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
66	Fructus Hordei germinatus			Mạch nha					Túi 1-5 Kg	Kg	50	40.950	2.047.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
67	Cortex Paeoniae suffruticosae			Mẫu đơn bì					Túi 1-5 Kg	Kg	40	355.950	14.238.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
68	Radix Saussureae lappae			Mộc hương					Túi 1-5 Kg	Kg	30	147.000	4.410.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
69	Fructus Chaenomelis speciosae			Mộc qua					Túi 1-5 Kg	Kg	100	238.350	23.835.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
70	Rhizoma Curcumae zedoariae			Nga truật					Túi 1-5 Kg	Kg	35	148.050	5.181.750	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
71	Herba Artemisiae vulgaris			Ngải cứu (Ngải diệp)					Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	150	37.800	5.670.000	Công ty CP DP Trường Thọ Bình Dương	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

72	Rhizoma Polygonati odorati			Ngọc trúc					Túi 1-5 Kg	Kg	25	471.450	11.786.250	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
73	Cortex Schefflera e heptaphyll ae			Ngũ gia bì chân chim					Túi 1-5 Kg	Kg	50	127.050	6.352.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
74	Fructus Schisandr ae			Ngũ vị tử					Túi 1-5 Kg	Kg	25	443.100	11.077.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
75	Fructus Arctii lappae			Ngưu bàng tử					Túi 1-5 Kg	Kg	25	233.100	5.827.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
76	Radix Achyranth is bidentatae			Ngưu tất					Túi 1-5 Kg	Kg	300	259.350	77.805.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
77	Herba Adenosma tis caerulei			Nhân trần					Túi 1-5 Kg	Kg	200	129.150	25.830.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
78	Herba Cistanche s			Nhục thung dung					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	50	910.350	45.517.500	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
79	Radix Ledebouri ellae seseloidis			Phòng phong					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	200	591.150	118.230.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
80	Radix Aconiti lateralis praeparata			Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)					Túi 1-5 Kg	Kg	20	844.200	16.884.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
81	Poria			Phục thần					Túi 1-5 Kg	Kg	50	409.500	20.475.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

82	Semen Trichosanthis			Qua lâu nhân					Túi 1-5 Kg	Kg	20	405.300	8.106.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
83	Ramulus Cinnamomi			Quế chi					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	200	84.000	16.800.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
84	Cortex Cinnamomi			Quế nhục					Túi 1-5 Kg	Kg	250	123.900	30.975.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
85	Fructus Amomi			Sa nhân					Túi 1-5 Kg	Kg	50	581.700	29.085.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
86	Radix Glehniae			Sa sâm					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	25	273.000	6.825.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
87	Radix Bupleuri			Sài hồ					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	150	610.050	91.507.500	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
88	Radix Rehmanniae glutinosae			Sinh địa					Túi 1-5 Kg	Kg	250	147.000	36.750.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
89	Fructus Corni officinalis			Sơn thù					Túi 1-5 Kg	Kg	50	303.450	15.172.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
90	Fructus Mali			Sơn tra					Túi 1-5 Kg	Kg	50	77.700	3.885.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
91	Rhizoma Sparganii			Tam lăng					Túi 1-5 Kg	Kg	15	244.650	3.669.750	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
92	Radix Panasis notoginseng			Tam thất					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	10	1.605.450	16.054.500	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

93	Flos Magnoliae lilifloraе			Tân di					Túi 1-5 Kg	Kg	20	300.300	6.006.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
94	Radix Gentianae macrophyllae			Tần giao					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	150	621.600	93.240.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
95	Ramulus Mori albae			Tang chi					Túi 1-5 Kg	Kg	150	105.000	15.750.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
96	Folium Mori albae			Tang diệp					Túi 1-5 Kg	Kg	30	126.000	3.780.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
97	Herba Loranthi gracilifolii			Tang ký sinh					Túi 1-5 Kg	Kg	150	126.000	18.900.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
98	Semen Ziziphi mauritianae			Táo nhân					Túi 1-5 Kg	Kg	50	693.000	34.650.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
99	Radix et Rhizoma Asari			Tế tân					Túi 1-5 Kg	Kg	150	696.150	104.422.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
100	Rhizoma Cimicifugae			Thăng ma					Túi 1-5 Kg	Kg	50	497.700	24.885.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
101	Semen Cassiae torae			Thảo quyết minh					Túi 1-5 Kg	Kg	100	40.950	4.095.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
102	Radix Trichosanthis			Thiên hoa phấn					Túi 1-5 Kg	Kg	32	261.450	8.366.400	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

103	Radix Asparagi cochinchi nensis			Thiên môn đông					Túi 1-5 Kg	Kg	30	572.250	17.167.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
104	Rhizoma Homalom enae occultae			Thiên niên kiện					Túi 1-5 Kg	Kg	100	153.300	15.330.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
105	Rhizoma Smilacis glabrae			Thổ phục linh					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	250	109.200	27.300.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
106	Medulla Tetrapana cis			Thông thảo					Túi 1-5 Kg	Kg	15	1.247.400	18.711.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
107	Radix Rehmanni ae glutinosae praeparata			Thục địa					Túi 1-5 Kg	Kg	300	139.650	41.895.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
108	Rhizoma Atractylod is			Thương truật					Bao PA 1 - 5 kg, hàn kín	Kg	40	444.150	17.766.000	Công ty CP DP OPC	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
109	Radix Peucedani			Tiền hồ					Túi 1-5 Kg	Kg	15	340.200	5.103.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
110	Pericarpiu m Citri reticulatae perenne			Trần bì					Túi 1-5 Kg	Kg	100	63.000	6.300.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
111	Rhizoma Anemarrh enae			Tri mẫu					Túi 1-5 Kg	Kg	45	249.900	11.245.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
112	Polyporus			Trư linh					Túi 1-5 Kg	Kg	15	1.165.500	17.482.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	

113	Radix Polygalae			Viễn chí					Túi 1-5 Kg	Kg	50	885.150	44.257.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
114	Semen Plantaginis			Xa tiền tử					Túi 1-5 Kg	Kg	60	235.200	14.112.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
115	Rhizoma Ligustici wallichii			Xuyên khung					Túi 1-5 Kg	Kg	350	340.200	119.070.000	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
116	Semen Coicis			Ý dĩ					Túi 1-5 Kg	Kg	50	183.750	9.187.500	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	N3	G5	BV Quân Y 4	Bình Dương	202A/QĐ-BV4	16/4/2021	
117	Actiso	Uống		Actiso			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	40	450.000	18.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
118	Cam thảo	Uống		Cam thảo			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	1.952	200.000	390.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
119	Chỉ tử	Uống		Chỉ tử			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	208	152.500	31.720.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV

120	Đại táo	Uống		Đại táo			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	1.205	82.500	99.412.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
121	Địa cốt bì	Uống		Địa cốt bì			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	121	375.000	45.375.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
122	Hoàng kỳ chế	Uống		Hoàng kỳ chế			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	3.115	205.000	638.575.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
123	Huyết giác	Uống		Huyết giác			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	232	145.000	33.640.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
124	Ích mẫu	Uống		Ích mẫu			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	185	52.500	9.712.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
125	Kim tiền thảo	Uống		Kim tiền thảo			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	121	57.500	6.957.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV

126	Liên tâm	Uống		Liên tâm			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	449	215.000	96.535.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
127	Ngũ gia bì chân chim	Uống		Ngũ gia bì chân chim			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	192	57.500	11.040.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
128	Phòng phong	Uống		Phòng phong			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	2.254	395.000	890.330.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
129	Tế tân	Uống		Tế tân			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	771	425.000	327.675.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
130	Tục đoạn	Uống		Tục đoạn			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	1.516	205.000	310.780.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
131	Thăng ma	Uống		Thăng ma			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	727	345.000	250.815.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV

132	Thiên ma	Uống		Thiên ma			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	252	1.150.000	289.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
133	Thổ phục linh	Uống		Thổ phục linh			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	1.102	87.500	96.425.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
134	Viễn chí	Uống		Viễn chí			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	1.868	975.000	1.821.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
135	Xa tiền tử	Uống		Xa tiền tử			Công ty CP dược Trung Ương Medip lantex	Việt Nam	Túi PE hút chân không 1-5kg	Kg	123	197.500	24.292.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPL ANTEX	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
136	Ngũ vị tử	Uống		Ngũ vị tử			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	141	399.000	56.259.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV

137	Sài hồ	Uống		Sài hồ			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	355	575.400	204.267.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
138	Bán chi liên	Uống		Bán chi liên			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	34	138.600	4.712.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	DĐVNV
139	Câu đằng	Uống		Câu đằng			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	428	186.900	79.993.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
140	Độc hoạt	Uống		Độc hoạt			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	2.856	197.400	563.774.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
141	Hạ khô thảo	Uống		Hạ khô thảo			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	124	165.000	20.460.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
142	Hy thiêm	Uống		Hy thiêm			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	833	54.600	45.481.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

143	Sa nhân	Uống		Sa nhân			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	320	279.300	89.376.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
144	Tang chi	Uống		Tang chi			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	1.290	44.100	56.889.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
145	Trần bì	Uống		Trần bì			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí 1-5kg	Kg	694	77.700	53.923.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
146	Bạch hoa xà thiệt thảo	Uống		Bạch hoa xà thiệt thảo			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	47	94.500	4.441.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
147	Bách hợp	Uống		Bách hợp			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	43	210.000	9.030.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
148	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	528	378.000	199.584.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
149	Đại hoàng	Uống		Đại hoàng			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	103	168.000	17.304.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

150	Hạnh nhân	Uống		Hạnh nhân			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	90	231.000	20.790.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
151	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	174	131.250	22.837.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
152	Ích trí nhân	Uống		Ích trí nhân			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	203	231.000	46.893.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
153	Khương hoàng/Uất kim	Uống		Khương hoàng/Uất kim			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	588	73.500	43.218.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
154	Liên nhục	Uống		Liên nhục			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	130	89.250	11.602.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
155	Long đởm thảo	Uống		Long đởm thảo			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	131	525.000	68.775.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
156	Mẫu đơn bì	Uống		Mẫu đơn bì			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	984	210.000	206.640.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

157	Mộc hương	Uống		Mộc hương			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	379	157.500	59.692.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
158	Nhục thung dung	Uống		Nhục thung dung			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	122	840.000	102.480.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
159	Ô dược	Uống		Ô dược			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	24	141.750	3.402.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
160	Phá cố chỉ(Bổ cốt chỉ)	Uống		Phá cố chỉ(Bổ cốt chỉ)			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	56	105.000	5.880.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
161	Phục thần	Uống		Phục thần			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	887	294.000	260.778.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
162	Quế nhục	Uống		Quế nhục			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	97	105.000	10.185.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
163	Sơn tra	Uống		Sơn tra			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	29	84.000	2.436.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

164	Tam thất	Uống		Tam thất			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	23	1.281.000	29.463.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
165	Táo nhân	Uống		Táo nhân			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	1.582	417.900	661.117.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
166	Thảo quả	Uống		Thảo quả			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	13	294.000	3.822.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
167	Thương truật	Uống		Thương truật			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	388	441.000	171.108.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
168	Trắc bách diệp	Uống		Trắc bách diệp			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	26	105.000	2.730.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
169	Uy linh tiên	Uống		Uy linh tiên			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	679	373.800	253.810.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
170	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			Việt Nam	Việt Nam	Túi từ 1kg - 5kg	Kg	4.792	166.950	800.024.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

171	Hoàng Bá	Uống		Hoàng Bá			Công ty CPTM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam	1 - 5 kg	Kg	208	180.000	37.440.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KHẢI HÀ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
172	Long nhãn	Uống		Long nhãn			Công ty CPTM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam	1 - 5 kg	Kg	400	198.000	79.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KHẢI HÀ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
173	Tri mẫu	Uống		Tri mẫu			Công ty CPTM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam	1 - 5 kg	Kg	171	200.000	34.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KHẢI HÀ	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
174	Bạch Biển đậu	Uống		Bạch Biển đậu			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	15	80.000	1.200.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

175	Dâm dương hoắc	Uống		Dâm dương hoắc			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	179	292.000	52.268.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
176	Địa liền	Uống		Địa liền			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	24	180.000	4.320.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
177	Hoàng liên	Uống		Hoàng liên			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	62	896.000	55.552.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
178	Ké đầu ngựa(Thương nhĩ tử)	Uống		Ké đầu ngựa(Thương nhĩ tử)			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	210	102.000	21.420.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
179	Kim ngân hoa	Uống		Kim ngân hoa			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	105	526.000	55.230.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

180	Kim ngân hoa	Uống		Kim ngân hoa			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	262	566.000	148.292.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
181	Liên kiều	Uống		Liên kiều			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	378	436.000	164.808.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
182	Mộc qua	Uống		Mộc qua			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	607	148.000	89.836.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
183	Ngưu tất	Uống	Ngưu tất	Ngưu tất			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	2.327	160.000	372.320.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
184	Thiên niên kiện	Uống		Thiên niên kiện			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Túi PE kín, 1-5kg	Kg	2.127	84.000	178.668.000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU NINH HIỆP - TW1	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

185	Ba kích	Uống		Ba kích			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	197	472.500	93.082.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
186	Bạch Linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Uống		Bạch Linh (Phục linh, Bạch phục linh)			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	2.462	197.400	485.998.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
187	Bạch thược	Uống		Bạch thược			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	2.542	147.000	373.674.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
188	Bạch truật	Uống		Bạch truật			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	849	157.500	133.717.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

189	Can khương	Uống		Can khương			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	263	136.500	35.899.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
190	Đan sâm	Uống		Đan sâm			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	1.607	183.750	295.286.250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
191	Đỗ trọng	Uống		Đỗ trọng			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	3.680	117.600	432.768.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
192	Hoàng cầm	Uống		Hoàng cầm			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	270	262.500	70.875.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

193	Hồng Hoa	Uống		Hồng Hoa			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	1.258	672.000	845.376.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
194	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	115	126.000	14.490.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
195	Hương phụ	Uống		Hương phụ			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	394	75.600	29.786.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
196	Sa sâm	Uống		Sa sâm			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	160	252.000	40.320.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

197	Sinh địa	Uống		Sinh địa			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	558	109.200	60.933.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
198	Sinh địa	Uống		Sinh địa			Chi nhánh Cty CPDP OPC tại Bình Dương - nhà máy Dược	Việt Nam	Túi PE 1kg hút chân	Kg	568	109.200	62.025.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
199	Bạc hà	Uống		Bạc hà			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	123	69.300	8.523.900	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
200	Bách bộ	Uống		Bách bộ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	10	115.500	1.155.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
201	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	1.052	78.750	82.845.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
202	Bạch giới tử	Uống		Bạch giới tử			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	23	115.500	2.656.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

203	Bạch hoa xà thiệt thảo	Uống		Bạch hoa xà thiệt thảo			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	39	127.050	4.954.950	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
204	Bạch mao căn	Uống		Bạch mao căn			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	14	92.400	1.293.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
205	Bạch tật lê	Uống		Bạch tật lê			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	24	184.800	4.435.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
206	Bạch tật lê	Uống		Bạch tật lê			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	8	184.800	1.478.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
207	Bán hạ bắc	Uống		Bán hạ bắc			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	47	336.000	15.792.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
208	Bán hạ nam (củ chóc)	Uống		Bán hạ nam (củ chóc)			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	217	105.000	22.785.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
209	Bồ công anh	Uống		Bồ công anh			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	154	89.250	13.744.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

210	Cát cánh	Uống		Cát cánh			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	243	231.000	56.133.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
211	Cát căn	Uống		Cát căn			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	248	52.500	13.020.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
212	Câu kỷ tử	Uống		Câu kỷ tử			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	884	252.000	222.768.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
213	Cẩu tích	Uống		Cẩu tích			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	800	50.400	40.320.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
214	Cốt toái bổ	Uống		Cốt toái bổ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	1.645	89.250	146.816.250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
215	Chỉ thực	Uống		Chỉ thực			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	139	55.650	7.735.350	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
216	Dây đau xương	Uống		Dây đau xương			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	158	46.200	7.299.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

217	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	2.022	315.000	636.930.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
218	Đào nhân	Uống		Đào nhân			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	1.230	409.500	503.685.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
219	Địa long	Uống		Địa long			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	577	934.500	539.206.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
220	Đương quy (Toàn quy)	Uống		Đương quy (Toàn quy)			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	4.824	257.250	1.240.974.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
221	Hà thủ ô đỏ	Uống		Hà thủ ô đỏ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	820	189.000	154.980.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
222	Hậu phác	Uống		Hậu phác			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	389	63.000	24.507.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
223	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	1.222	57.750	70.570.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

224	Huyền hồ	Uống		Huyền hồ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	63	369.600	23.284.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
225	Ké đầu ngựa(Thương nhĩ tử)	Uống		Ké đầu ngựa(Thương nhĩ tử)			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	41	80.850	3.314.850	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
226	Kê huyết đằng	Uống		Kê huyết đằng			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	2.585	36.750	94.998.750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
227	Kê nội kim	Uống		Kê nội kim			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	41	89.250	3.659.250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
228	Kinh giới	Uống		Kinh giới			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	61	69.300	4.227.300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
229	Khiếm thực	Uống		Khiếm thực			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	117	231.000	27.027.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
230	Khương hoạt	Uống		Khương hoạt			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	1.528	1.039.500	1.588.356.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

231	Lá lốt	Uống		Lá lốt			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	98	65.100	6.379.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
232	Lạc tiên	Uống		Lạc tiên			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	62	65.100	4.036.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
233	Mạch môn	Uống		Mạch môn			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	327	207.900	67.983.300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
234	Mạch nha	Uống		Mạch nha			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	18	52.500	945.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
235	Mẫu lệ	Uống		Mẫu lệ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	29	63.000	1.827.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
236	Một dược	Uống		Một dược			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	155	300.300	46.546.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
237	Ngải cứu	Uống		Ngải cứu			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	102	52.500	5.355.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

238	Ngọc trúc	Uống		Ngọc trúc			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	18	288.750	5.197.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
239	Ngô thù du	Uống		Ngô thù du			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	19	693.000	13.167.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
240	Ngưu bàng tử	Uống		Ngưu bàng tử			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	13	189.000	2.457.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
241	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	2.185	136.500	298.252.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
242	Nhân sâm	Uống		Nhân sâm			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	5	2.520.000	12.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
243	Nhân trần	Uống		Nhân trần			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	171	68.250	11.670.750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
244	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Uống		Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	29	504.000	14.616.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

245	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Uống		Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	5	525.000	2.625.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
246	Quế chi	Uống		Quế chi			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	2.057	36.750	75.594.750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
247	Sài đất	Uống		Sài đất			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	48	80.850	3.880.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
248	Sơn thù	Uống		Sơn thù			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	1.010	262.500	265.125.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
249	Tang bạch bì	Uống		Tang bạch bì			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	94	102.900	9.672.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
250	Tang diệp	Uống		Tang diệp			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	10	80.850	808.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
251	Tang ký sinh	Uống		Tang ký sinh			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	3.062	39.900	122.173.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

252	Tần giao	Uống		Tần giao			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	2.262	409.500	926.289.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
253	Tô mộc	Uống		Tô mộc			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	167	69.300	11.573.100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
254	Thạch cao (sống)	Uống		Thạch cao (sống)			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	21	69.300	1.455.300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
255	Thạch quyết minh	Uống		Thạch quyết minh			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	61	184.800	11.272.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
256	Thạch xương bồ	Uống		Thạch xương bồ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	185	157.500	29.137.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
257	Thảo quyết minh	Uống		Thảo quyết minh			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	231	31.500	7.276.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
258	Thiên hoa phấn	Uống		Thiên hoa phấn			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	164	115.500	18.942.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

259	Thiên môn đông	Uống		Thiên môn đông			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	100	404.250	40.425.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
260	Thục địa	Uống		Thục địa			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	2.832	115.500	327.096.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
261	Trạch tả	Uống		Trạch tả			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	962	81.900	78.787.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
262	Trinh nữ hoàng cung	Uống		Trinh nữ hoàng cung			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	8	103.950	831.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
263	Xích thược	Uống		Xích thược			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	1.489	199.500	297.055.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
264	Xuyên bối mẫu	Uống		Xuyên bối mẫu			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	43	1.942.500	83.527.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
265	Ý dĩ	Uống		Ý dĩ			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	567	89.250	50.604.750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS

266	Kim anh	Uống		Kim anh			Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	101	214.200	21.634.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
267	Ô tặc cốt	Uống		Ô tặc cốt			Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	134	256.200	34.330.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
268	Cỏ nhọ nồi	Uống		Cỏ nhọ nồi			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	8	69.300	554.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
269	Nhũ hương	Uống		Nhũ hương			Công ty CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	Đóng túi nilon 1 - 5kg, có nhãn mác đúng quy định	Kg	68	220.500	14.994.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N2	G5	SYT	Kiên Giang	1019/QĐ-SYT	22/10/2021	TCCS
270	Ba kích	Uống		Ba kích			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	665.000	484	321.860.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
271	Bá tử nhân	Uống		Bá tử nhân			Sơn Lâm	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	59.000	619,5	36.550.500	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
272	Bạc hà	Uống		Bạc hà			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	83.000	67,2	5.577.600	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
273	Bạch biển đậu (Đậu ván trắng)	Uống		Bạch biển đậu (Đậu ván trắng)			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	20.000	87	1.740.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
274	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.422.000	93	132.246.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

275	Bạch hoa xà thiệt thảo	Uống		Bạch hoa xà thiệt thảo			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	110.000	94,5	10.395.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
276	Bạch linh (Phục linh)	Uống		Bạch linh (Phục linh)			Trường Thọ	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.023.000	186,9	378.098.700	Trường Thọ	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
277	Bạch mao căn (Rễ cỏ tranh)	Uống		Bạch mao căn (Rễ cỏ tranh)			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	239.000	67,2	16.060.800	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
278	Bạch quả (Ngân hạnh)	Uống		Bạch quả (Ngân hạnh)			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	43.000	169,05	7.269.150	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
279	Bạch thược (Thược dược)	Uống		Bạch thược (Thược dược)			Trường Thọ	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.156.000	149,1	321.459.600	Trường Thọ	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
280	Bạch truật	Uống		Bạch truật			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.683.000	154	259.182.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
281	Bán hạ nam (Củ chóc)	Uống		Bán hạ nam (Củ chóc)			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	15.000	110,25	1.653.750	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
282	Bình vôi (Ngải tượng)	Uống		Bình vôi (Ngải tượng)			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	35.000	109,2	3.822.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
283	Bồ công anh	Uống		Bồ công anh			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	252.000	92	23.184.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
284	Cà gai leo	Uống		Cà gai leo			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	224.000	73,5	16.464.000	Trường Thọ	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
285	Cam thảo	Uống		Cam thảo			Thành phát	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.128.000	209,9	446.667.200	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
286	Can khương	Uống		Can khương			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	66.000	118	7.788.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

287	Cát căn	Uống		Cát căn			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	356.000	75,6	26.913.600	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
288	Cát cánh	Uống		Cát cánh			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	218.000	218	47.524.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
289	Câu đằng	Uống		Câu đằng			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	437.000	158	69.046.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
290	Câu kỷ tử	Uống		Câu kỷ tử			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.964.000	209	410.476.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
291	Cẩu tích	Uống		Cẩu tích			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.114.000	48	53.472.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
292	Chè dây	Uống		Chè dây			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	180.000	72	12.960.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
293	Chỉ thực	Uống		Chỉ thực			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	152.000	58,8	8.937.600	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
294	Chỉ xác	Uống		Chỉ xác			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	145.000	58,8	8.526.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
295	Cỏ xước (Ngưu tất nam)	Uống		Cỏ xước (Ngưu tất nam)			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	429.000	45,15	19.369.350	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
296	Cốt toái bổ	Uống		Cốt toái bổ			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.682.000	90	151.380.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
297	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa			Sơn Lâm	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	410.000	334,95	137.329.500	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
298	Đại táo	Uống		Đại táo			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.964.000	72	213.408.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

299	Dâm dương hoắc	Uống		Dâm dương hoắc			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	227.000	308	69.916.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
300	Đan sâm	Uống		Đan sâm			Thành phát	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.191.000	193	229.863.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
301	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm			Sơn Lâm	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.554.000	378	965.412.000	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
302	Đăng tâm thảo	Uống		Đăng tâm thảo			Sơn Lâm	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	51.000	1365	69.615.000	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
303	Đào nhân	Uống		Đào nhân			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	171.000	369,6	63.201.600	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
304	Dây đau xương	Uống		Dây đau xương			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.538.000	41	63.058.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
305	Địa long (Giun đất)	Uống		Địa long (Giun đất)			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	20.000	1082,55	21.651.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
306	Diệp hạ châu	Uống		Diệp hạ châu			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	349.000	58,8	20.521.200	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
307	Đinh hương	Uống		Đinh hương			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	19.000	296,1	5.625.900	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
308	Đỗ trọng	Uống		Đỗ trọng			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.770.000	128,1	354.837.000	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
309	Độc hoạt	Uống		Độc hoạt			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.261.000	213,15	481.932.150	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
310	Đương quy	Uống		Đương quy			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	3.653.000	299	1.092.247.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

311	Giảo cổ lam	Uống		Giảo cổ lam			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	15.000	101	1.515.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
312	Hạ khô thảo	Uống		Hạ khô thảo			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	122.000	188	22.936.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
313	Hà thủ ô đỏ	Uống		Hà thủ ô đỏ			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.530.000	204,75	313.267.500	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
314	Hạnh nhân (Khổ hạnh nhân)	Uống		Hạnh nhân (Khổ hạnh nhân)			Dược liệu Việt Nam	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	60.000	243,6	14.616.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
315	Hoài sơn (Củ mài)	Uống		Hoài sơn (Củ mài)			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.182.000	105,9	125.173.800	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
316	Hoàng bá	Uống		Hoàng bá			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	38.000	70	2.660.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
317	Hoàng cầm	Uống		Hoàng cầm			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	172.000	343	58.996.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
318	Hoàng kỳ	Uống		Hoàng kỳ			Sơn Lâm	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.669.000	198,45	331.213.050	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
319	Hoàng liên (Hoàng liên chân gà)	Uống		Hoàng liên (Hoàng liên chân gà)			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	67.000	820	54.940.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
320	Hoạt thạch	Uống		Hoạt thạch			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	18.000	63	1.134.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
321	Hương nhu	Uống		Hương nhu			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	10.000	86,1	861.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
322	Hương phụ (Củ gấu)	Uống		Hương phụ (Củ gấu)			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	588.000	84	49.392.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

323	Huyền hồ sách (Diên hồ sách, Nguyên hồ)	Uống		Huyền hồ sách (Diên hồ sách, Nguyên hồ)			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	13.000	297,15	3.862.950	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
324	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	219.000	121,8	26.674.200	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
325	Huyết dụ	Uống		Huyết dụ			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	19.000	123	2.337.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
326	Huyết giác	Uống		Huyết giác			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	38.000	169,05	6.423.900	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
327	Hy thiêm	Uống		Hy thiêm			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	115.000	54,6	6.279.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
328	Ích mẫu	Uống		Ích mẫu			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	234.000	42	9.828.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
329	Ích trí nhân	Uống		Ích trí nhân			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	368.000	202,65	74.575.200	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
330	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Uống		Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	363.000	89	32.307.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
331	Kê huyết đằng	Uống		Kê huyết đằng			Thăng Long	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.226.000	35,7	43.768.200	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
332	Kê nội kim	Uống		Kê nội kim			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	89.000	84	7.476.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
333	Khiếm thực	Uống		Khiếm thực			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	122.000	185,85	22.673.700	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
334	Khương hoàng/ Uất kim	Uống		Khương hoàng/ Uất kim			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	386.000	82	31.652.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

335	Khương hoạt	Uống		Khương hoạt			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.249.000	1228,5	1.534.396.500	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
336	Kim anh	Uống		Kim anh			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	20.000	228	4.560.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
337	Kim ngân hoa	Uống		Kim ngân hoa			Thăng Long	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	646.000	520,8	336.436.800	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
338	Kim tiền thảo	Uống		Kim tiền thảo			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	353.000	41	14.473.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
339	Lá lốt	Uống		Lá lốt			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	76.000	57,75	4.389.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
340	Lạc tiên	Uống		Lạc tiên			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	812.000	39,9	32.398.800	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
341	Liên kiều	Uống		Liên kiều			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	280.000	361,2	101.136.000	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
342	Liên nhục	Uống		Liên nhục			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.055.000	88	92.840.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
343	Liên tâm (Tâm sen)	Uống		Liên tâm (Tâm sen)			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	319.000	262,5	83.737.500	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
344	Linh chi	Uống		Linh chi			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	165.000	504	83.160.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
345	Long nhãn	Uống		Long nhãn			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	563.000	206	115.978.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
346	Mã đề	Uống		Mã đề			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	18.000	71,4	1.285.200	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

347	Mạch môn	Uống		Mạch môn			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	115.000	188	21.620.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
348	Mạch nha	Uống		Mạch nha			Sơn Lâm	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	120.000	59,85	7.182.000	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
349	Mạn kinh tử	Uống		Mạn kinh tử			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	146.000	142	20.732.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
350	Mẫu đơn bì	Uống		Mẫu đơn bì			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	671.000	176	118.096.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
351	Mẫu lệ	Uống		Mẫu lệ			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	20.000	37,8	756.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
352	Mộc hương	Uống		Mộc hương			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	238.000	182,7	43.482.600	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
353	Mộc qua	Uống		Mộc qua			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	61.000	110	6.710.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
354	Mộc thông	Uống		Mộc thông			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	23.000	84	1.932.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
355	Ngọc trúc	Uống		Ngọc trúc			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	117.000	277	32.409.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
356	Ngũ gia bì chân chim	Uống		Ngũ gia bì chân chim			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	186.000	58,8	10.936.800	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
357	Ngũ vị tử	Uống		Ngũ vị tử			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	170.000	360	61.200.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
358	Ngưu bàng tử	Uống		Ngưu bàng tử			Dược liệu Việt Nam	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.000	199,5	399.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

359	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.698.000	196,35	333.402.300	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
360	Nhân trần	Uống		Nhân trần			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	266.000	65,1	17.316.600	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
361	Nhũ hương	Uống		Nhũ hương			Dược liệu Việt Nam	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	11.000	367,5	4.042.500	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
362	Nhục thung dung	Uống		Nhục thung dung			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	320.000	882	282.240.000	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
363	Ô dược	Uống		Ô dược			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	20.000	126	2.520.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
364	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	Uống		Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	103.000	98	10.094.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
365	Phòng phong	Uống		Phòng phong			Thành phát	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.930.000	517	997.810.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
366	Phụ tử chế	Uống		Phụ tử chế			Sơn Lâm	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	36.000	420	15.120.000	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
367	Phục thần	Uống		Phục thần			Sơn Lâm	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	403.000	244,65	98.593.950	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
368	Quế chi	Uống		Quế chi			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.043.000	39,8	41.511.400	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
369	Quế nhục	Uống		Quế nhục			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	193.000	126	24.318.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
370	Quy bản	Uống		Quy bản			Sơn Lâm	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	18.000	1365	24.570.000	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

371	Râu ngô	Uống		Râu ngô			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.000	94,5	189.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
372	Sa nhân	Uống		Sa nhân			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	262.000	289,8	75.927.600	Trường Thọ	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
373	Sa sâm	Uống		Sa sâm			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	316.000	338,1	106.839.600	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
374	Sài đất	Uống		Sài đất			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	18.000	67,2	1.209.600	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
375	Sài hồ	Uống		Sài hồ			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	316.000	546	172.536.000	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
376	Sâm đại hành	Uống		Sâm đại hành			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	20.000	135,45	2.709.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
377	Sinh địa	Uống		Sinh địa			Thành phát	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	554.000	128	70.912.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
378	Sơn thù	Uống		Sơn thù			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	626.000	262,5	164.325.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
379	Sơn tra	Uống		Sơn tra			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	222.000	75,6	16.783.200	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
380	Tam thất	Uống		Tam thất			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	80.000	1354,5	108.360.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
381	Tân di	Uống		Tân di			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	117.000	236,25	27.641.250	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
382	Tần giao	Uống		Tần giao			Dược liệu Việt Nam	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.455.000	525	763.875.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

383	Tang bạch bì	Uống		Tang bạch bì			Thăng Long	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	20.000	117,6	2.352.000	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
384	Tang chi	Uống		Tang chi			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	245.000	34	8.330.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
385	Tang ký sinh	Uống		Tang ký sinh			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	2.175.000	44	95.700.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
386	Táo nhân (Hắc táo nhân)	Uống		Táo nhân (Hắc táo nhân)			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.355.000	482	653.110.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
387	Tế tân	Uống		Tế tân			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	515.000	426,3	219.544.500	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
388	Thạch hộc	Uống		Thạch hộc			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.000	294	294.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
389	Thạch xương bồ	Uống		Thạch xương bồ			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	24.000	210	5.040.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
390	Thăng ma	Uống		Thăng ma			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	112.000	333	37.296.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
391	Thảo quyết minh (Hạt muồng)	Uống		Thảo quyết minh (Hạt muồng)			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	458.000	42	19.236.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
392	Thiên hoa phấn	Uống		Thiên hoa phấn			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	37.000	117,6	4.351.200	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
393	Thiên ma	Uống		Thiên ma			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	128.000	880	112.640.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
394	Thiên môn đông	Uống		Thiên môn đông			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	52.000	304,5	15.834.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

395	Thiên niên kiện	Uống		Thiên niên kiện			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.637.000	86	140.782.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
396	Thổ phục linh	Uống		Thổ phục linh			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.602.000	93	148.986.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
397	Thương truật	Uống		Thương truật			Thành phát	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	570.000	506	288.420.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
398	Tô mộc	Uống		Tô mộc			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	9.000	42	378.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
399	Trắc bách diệp	Uống		Trắc bách diệp			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	5.000	100,8	504.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
400	Trạch tả	Uống		Trạch tả			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	716.000	84	60.144.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
401	Trần bì	Uống		Trần bì			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	411.000	78	32.058.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
402	Tri mẫu	Uống		Tri mẫu			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	168.000	143,85	24.166.800	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
403	Trinh nữ (Xấu hổ)	Uống		Trinh nữ (Xấu hổ)			Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	24.000	47,25	1.134.000	DLVN	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
404	Trinh nữ hoàng cung	Uống		Trinh nữ hoàng cung			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	140.000	84	11.760.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
405	Trư linh	Uống		Trư linh			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	25.000	423,15	10.578.750	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
406	Tục đoạn	Uống		Tục đoạn			Thăng Long	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	934.000	224,7	209.869.800	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	

407	Tỳ giải	Uống		Tỳ giải			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	239.000	90	21.510.000	Thành phát	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
408	Viễn chí	Uống		Viễn chí			Thăng Long	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.183.000	955,5	1.130.356.500	Thăng Long	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
409	Xạ can (Rẻ quạt)	Uống		Xạ can (Rẻ quạt)			Trường Xuân	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	10.000	279,3	2.793.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
410	Xa tiền tử (Hạt mã đề)	Uống		Xa tiền tử (Hạt mã đề)			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	40.000	198	7.920.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
411	Xích thược	Uống		Xích thược			Trường Xuân	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	700.000	213,15	149.205.000	Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
412	Xuyên bối mẫu	Uống		Xuyên bối mẫu			Sơn Lâm	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	30.000	1722	51.660.000	LD Đăk Lăk - Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
413	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			Khải Hà	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	1.910.000	184	351.440.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
414	Ý dĩ	Uống		Ý dĩ			Khải Hà	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	767.000	82	62.894.000	LD Hoàng Vũ - Khải Hà	N2	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	
415	Đinh lăng	Uống		Đinh lăng			Thành phát	Việt Nam	Túi PE hút chân không từ 1- 5kg	Gram	53.000	87	4.611.000	Thành phát	N3	G5	SYT	Đắk Nông	1147/QĐ-SYT	30/11/2021	